

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 – ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/DS-ST

Ngày: 15-8-2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình

Ông Mai Văn Du

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thoảng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng (cơ sở 2) mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-DS ngày 18/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-DS ngày 31/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T1. Địa chỉ: Tòa nhà T, số E phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (cũ), nay là số E phố L, phường C, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Việt C – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân – Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ khách hàng cá nhân T2. Người được ủy quyền lại gồm các ông (bà): Hồ Thị Thanh N, bà Trương Thị H, bà Lê Thị T, ông Đinh Văn N1, ông Trần Tấn H1 - Điều thuộc Bộ phận Xử lý nợ khách hàng cá nhân M - Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân – Khối Xử lý và Thu hồi nợ T2; cùng địa chỉ liên hệ: Số D N, phường C, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền số 18/2024/UQ-TPB.HĐQT ngày 26/11/2024 và Giấy ủy quyền số 15/2024/GUQ-TPB.DR ngày 30/12/2024); (Ông H1 có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Kiều Văn Đ, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Số A đường H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là số A đường H, phường H, thành phố Đà Nẵng; (vắng mặt lần thứ hai không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng TMCP T1 (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng), quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ các quy định của Ngân hàng và nhu cầu, khả năng trả nợ của ông Kiều Văn Đ, Ngân hàng đã chấp thuận phát hành cho ông Kiều Văn Đ một thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 26/7/2022. Cụ thể: Số thẻ 498796xxxxxx0578; Loại thẻ. Thẻ tín dụng quốc

tế T3 - hạng vàng. Hạn mức thẻ tín dụng: 40.000.000 đồng; Mục đích: Thanh toán, tiêu dùng; Phương thức phát hành thẻ: Thẻ được phát hành theo hình thức điện tử, thông qua hình thức trực tuyến, xác thực bằng sinh trắc học và mã OTP (Mật khẩu sử dụng lần) trên nền tảng ứng dụng của T2. (Theo quy định về sản phẩm thẻ số SP09/CN/THE v1.1 số hiệu 253/2022/SP-TPB.RB ngày 18/03/2022 (Phụ lục 3: Quy trình về cấp hạn mức thẻ tín dụng đối với nhóm khách hàng phát hành thẻ T2)).

Lãi suất áp dụng: Lãi suất cho vay trong hạn (lãi giao dịch): Mức lãi 33,6%/năm. (Căn cứ Quyết định số 867/2023/QĐ-TPB.RB ngày 17/07/2023 của T2); Lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Ông Kiều Văn Đ đã sử dụng, tiêu dùng trên hạn mức thẻ tín dụng và thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng từ kỳ sao kê tháng 08/2022 đến tháng 02/2024. Kể từ tháng 3/2024 trở đi ông Kiều Văn Đ sử dụng thẻ để thanh toán tiêu dùng nhưng sau đó không thanh toán cho Ngân hàng theo đúng quy định. Ngày ông Kiều Văn Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán 05/3/2024. Ngày Ngân hàng khoá thẻ của ông Kiều Văn Đ: 21/6/2024. Tính đến ngày 15/8/2025 ông Kiều Văn Đ còn nợ Ngân hàng TMCP T1 tổng số tiền là 114.061.624 đồng (trong đó, nợ gốc 30.456.756 đồng; nợ lãi trong hạn (lãi giao dịch) 19.082.294 đồng; nợ lãi quá hạn: 28.471.220 đồng; phí phạt chậm trả: 33.070.943 đồng; Phí thường niên 990.000 đồng; phí chuyển đổi trả góp: 1.990.411 đồng).

Buộc ông Kiều Văn Đ còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 16/8/2025 cho đến khi ông Kiều Văn Đ hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP T1.

Đối với số tiền 33.070.943 đồng lãi chậm trả lãi, phí chuyển đổi trả góp là 1.990.411 đồng, phí thường niên 990.000 đồng trong đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP T1 đề nghị ông Đ phải trả nhưng ngày 14/8/2025, Ngân hàng có đơn trình bày xin rút lại yêu cầu này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Kiều Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; các văn bản tố tụng khác và Triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến trình bày.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn ông Kiều Văn Đ có nơi cư trú tại: phường H, quận C, TP . cũ), nay là phường H, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tại thời điểm thụ lý vụ án ngày 15/4/2025 thì tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Đến thời điểm hiện nay, căn cứ vào mục 6.55 Phụ lục tên gọi và phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực; kế thừa quyền và nghĩa vụ trách nhiệm của Tòa án nhân dân khu vực của Nghị quyết số

81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân thì Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tiếp tục giải quyết vụ án nêu trên.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như các thông báo, triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Kiều Văn Đ, nhưng ông Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[4] Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình là đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 26/7/2022. Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định: Ngày 26/7/2022, giữa ông Kiều Văn Đ và Ngân hàng TMCP T1 có ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là số tiền 40.000.000 đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 13, 14 và 15 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N2 nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[5] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu về việc tính nợ phí số tiền 36.051.354 đồng (bao gồm phí phạt chậm trả 33.070.943 đồng, phí thường niên 990.000 đồng và phí chuyển đổi trả góp 1.990.411 đồng). Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nói trên của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Kiều Văn Đ phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 15/8/2025 là 78.010.270 đồng trong đó, nợ gốc 30.456.756 đồng; nợ lãi 47.553.514 đồng (Lãi trong hạn: 19.082.294 đồng, lãi quá hạn: 28.471.220 đồng). Ông Kiều Văn Đ còn phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 16/8/2025 cho đến khi thanh toán xong. HĐXX xét thấy: Từ ngày 05/3/2024, ông Kiều Văn Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và để nợ quá hạn nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Kiều Văn Đ vẫn không có thiện chí trả nợ. Như vậy, ông Đ đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T1 đối với ông Đ là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N2 nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Kiều Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 78.010.270 \text{ đồng} =$

3.900.513 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 30, 35, 39, 157, 158, 227, 228, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Khoản 4 Điều 13, Điều 15, 16 và 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N2 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;
- Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T1, buộc ông Kiều Văn Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP T1 tổng số tiền là 78.010.270 đồng trong đó, nợ gốc 30.456.756 đồng; nợ lãi 47.553.514 đồng (Lãi trong hạn: 19.082.294 đồng, lãi quá hạn: 28.471.220 đồng) tiền lãi tính đến ngày 15/8/2025.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Kiều Văn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu tính phí phạt chậm trả: 33.070.943 đồng, phí thường niên 990.000 đồng và phí chuyển đổi trả góp 1.990.411 đồng của Ngân hàng TMCP T1 đối với ông Kiều Văn Đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Kiều Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.900.513 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T1 số tiền tạm ứng án phí 1.798.778 đồng theo biên lai thu số 0009664 ngày 11/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Đà Nẵng).

4. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng THADS kv 3 – Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- VKSND kv 3 – Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kiều Trang